

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-PT
Ngày 06/01/2022
“Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu di dời nhà ở”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐT**

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Kim Oanh
Ông Trần Phước Hội

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh ĐT: Ông Phan Trung Quốc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30/12/2021, ngày 06/01/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ĐT xét xử P thẩm công khai vụ án thụ L số: 40/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời nhà ở.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2021/QĐXXPT-DS ngày 14/5/2021, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2021/QĐPT-DS ngày 02/6/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số: 513/TB-TA ngày 03 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949;

Địa chỉ: ấp AP, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT.

Bà Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp PT, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT.

Bà Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ 29, khóm Mỹ Hưng, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh ĐT.

Bị đơn:

Bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1976;

Bà V ủy quyền cho ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1947.

Cùng địa chỉ: Ấp PT, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bà V: Luật sư Nguyễn Hoàng G – Văn phòng luật sư Hoàng G.

Địa chỉ: Số 428, đường Nguyễn Thị MK, phường 1, TPCL, ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Trần H Xuân P;

Địa chỉ: Số 036, Nguyễn Thị MK, phường 1, TPCL, ĐT.

2. Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1964;

Tạm trú: Ấp Sóc Chiết, xã CT, huyện Tri Tôn, tỉnh An G.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Tô Thị Kim H;

Địa chỉ: Số 15/5, Khúc Thừa Dụ, khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, tHnh phố LX, tỉnh An G.

3. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp AP, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của ông Nguyễn Quốc H: Luật sư Thái Quang T – Văn phòng Luật sư Chính Nghĩa, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh ĐT.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Ấp PT, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT.

2. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1980;

3. Ông Lê Hữu H, sinh năm 1986 (chồng bà S);

4. Bà Lê Thị S, sinh năm 1993 (vợ ông H);

5. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988 (vợ ông PH);

6. Ông Phan Toàn PH, sinh năm 1991 (chồng bà H);

7. Ông Nguyễn Thế P, sinh năm 1975 (chồng bà V);

8. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1998 (con bà V);

9. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 2002 (con bà V);

Cùng địa chỉ: Ấp AP, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT.

Đại diện theo ủy quyền của bà V, anh P, chị T: Ông Nguyễn Quang L.

10. Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp Phú Xương, TT. Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An G.

11. Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 16/3C, Ngô Quyền, khóm Bình Long 2, phường Mỹ Bình, Tp. LX, tỉnh An G.

Bà H, bà M, ông L, Luật sư Hoàng G, ông Xuân P, bà H, ông H, Luật sư Quang T có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Mai đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp với bà V, ông H và ông L hiện nay, trước đây là của cha chồng bà Q (ông Q) khai mở và sử dụng trước giải phóng chiều ngang khoảng 32 mét, chiều dài từ Quốc lộ 30 trở ra sau hậu đất ruộng. Do thời kỳ trước giải phóng còn loạn lạc nên ông Q di dời đi chỗ khác ở (tỉnh An G), chỉ còn lại bà Bùi Thị Q (mẹ bà Đ và ông L, là con dâu của ông Q) và bà Đ (bà Đ ở chung với bà Q) ở lại quản L và sử dụng phần đất trên. Sau giải phóng (1975), bà Q tiếp tục quản L và sử dụng phần đất trên dùng để cất nh ở và trồng cây. Trong quá trình quản L và sử dụng phần đất trên, bà Q có S nhượng thêm 1 phần đất liền ranh với phần đất trên, chiều ngang 10 mét, chiều dài cũng từ Quốc lộ 30 trở ra sau hậu khoảng 35 mét. Năm 1992-1993 thì bà Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.250m². Năm 2001, bà Q mới làm thủ tục cho lại bà Đ phần đất trên. Việc bà Q cho bà Đ phần đất trên có sự chứng kiến của bà Bé và ông L là con bà Q biết và ký tên vào giấy Từ chối nhận di sản. Sau đó bà Q và bà Đ làm thủ tục S tên theo quy định. Năm 2006-2007, bà Đ thấy bà V (con ông L) không có chỗ ở nên mới cho mượn 1 phần đất để cất nh ở. Năm 2007- 2008, bà Đ thấy ông Nguyễn Quốc H và ông Nguyễn Quang L không có chỗ ở nên mới kêu về cho mượn 1 phần đất để cất nh ở.

Do hiện nay bà Đ cần sử dụng phần đất trên nên yêu cầu bà V, ông H và ông L di dời nh trả đất cho bà Đ quản L và sử dụng nhưng bà V, ông H và ông L không chịu di dời.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà V, ông H và ông L di dời nh trả đất cho bà Đ quản L và sử dụng, phần đất thuộc 1 phần thửa 781, tờ bản đồ số 1 do bà Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo Long.

Hiện nay nh nước có thu hồi 119,5m² thuộc 1 phần thửa 781, tờ bản đồ số 1 để mở rộng Quốc lộ 30 và có bồi thường 1 số tiền khi thu hồi đất là 178.652.500đ. Nay bà Đ yêu cầu được quản L và sử dụng toàn bộ số tiền trên.

Ông Nguyễn Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang L trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Đ và bà V hiện nay có nguồn gốc trước đây là của ông nội ông (Nguyễn Quang Q) khai mở và sử dụng từ năm 1955, diện tích là 7.680m² (trong đó có phần đất thuộc thửa 781 đang tranh chấp), ông nội ông quản L và sử dụng đến năm 1975 thì giao toàn bộ phần diện tích đất 7.680m² lại cho ông quản L và sử dụng. Ông quản L và sử dụng đến năm 1985 thì mẹ ông (Q) và bà Đ mới cất nh ở trên phần đất này và tiến Hnh đi đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, mẹ ông bị bệnh nặng, bà Bé có đưa cho ông ký 1

tờ từ chối nhận di sản tại nH, căn cứ vào tờ từ chối nhận di sản trên, bà Đ kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2002, ông kêu con ông (V) ra S lấp phần đất trên để cất nH ở. Năm 2006- 2007 thì con ông cất nH ở như hiện nay.

Còn đối với căn nH của ông Nguyễn Quang L và ông Nguyễn Quốc H: Sau khi con ông cất nH ở thì bà Đ có kêu ông H và ông L về phần đất trên để cất nH ở. Thời điểm ông H và ông L cất nH trên thì ông đi biển không có ở nH nên không có ý kiến.

Nay ông xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa 781, tờ bản đồ số 1, hiện do bà Đ đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông chứ không phải của bà Đ.

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ, vì phần đất trên ông đã được ông Nguyễn Quang Kia cho ông quản L và sử dụng.

Yêu cầu Tòa án thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Đ đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1 để ông đăng ký lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Đối với căn nH của bà Đ cất trên thửa đất trên, ông thống nhất giữ y không yêu cầu di dời.

Đối với căn nH của ông H và ông L ông thống nhất giữ y cho ông H và ông L sử dụng, khi nào nH bị hư thì di dời trả đất cho ông, ông không yêu cầu di dời trong vụ án này.

Đối với căn nH của vợ chồng bà H, có 1 phần nằm trong đất đang tranh chấp, ông thống nhất giữ y cho vợ chồng bà H sử dụng, khi nào nH bị hư thì di dời trả đất cho ông, ông không yêu cầu di dời trong vụ án này.

Yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền bồi thường khi nH nước thu hồi đất đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo Long.

Ông Nguyễn Quốc H trình bày: Nguồn gốc phần đất ông đang cất nH ở là của ông nội ông (ông Q) (cha của ông Đốc, ông Công, ông Na, bà Nô và ông Kia) khai mở có chiều ngang là 32,80 mét, chiều dài tới sau hậu đất ruộng, lúc còn sống ông nội ông có chia lại cho các con gồm: ông Nguyễn Quang Đốc (Cha, mẹ ông L và bà Đ), Nguyễn Quốc Công (cha ông), Nguyễn Thị Nô (mẹ của ông Nguyễn Quang K), ông Nguyễn Quang Na (cha của Nguyễn Quang L). Lúc chia đất thì ông nội ông chia cho các con mỗi người chiều ngang 6 mét, chiều dài 50 mét. Sau giải phóng (1975), NH nước có chủ trương cất xâm canh, lúc đó gia đình

ông ở tỉnh An G nên không nhận đất được, mới thống nhất giao lại cho bà Đ ở tại chỗ nhận phần đất trên, tiến Hnh kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Đ lập tờ tự thuận ngày 16/5/2004 phân chia phần đất trên lại cho các anh, em ông theo như lời phân chia của ông nội. Phần đất ông được bà Đ chia có chiều ngang là 6 mét, chiều dài là 50 mét tính từ Quốc lộ 30 ra đến sau hậu. Hiện nay căn nH của ông cất chiều ngang 6 mét, chiều dài khoảng 22 mét. Nay ông yêu cầu được sử dụng chiều ngang 6 mét, chiều dài hết thửa 781 (khoảng 30 mét) do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần chiều dài còn lại ông không tranh chấp.

Yêu cầu bà Đ lập thủ tục S tên phần đất đã chia cho ông, thuộc 1 phần thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, theo diện tích nêu trên.

Yêu cầu được nhận số tiền bồi thường khi NH nước thu hồi đất đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tương đương với phần diện tích đất ông đã được chia.

Diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo Long.

Ông Nguyễn Quang L trình bày: Nguồn gốc phần đất ông cất nH là của ông nội (ông Nguyễn Quang Q) (cha của ông Đốc, ông Công, ông Na, bà Nô và ông Kia) khai mở có chiều ngang là 32,80 mét, chiều dài tới sau hậu đất ruộng, lúc còn sống ông nội ông có chia lại cho các con gồm: ông Nguyễn Quang Đốc (Cha, mẹ ông L và bà Đ), Nguyễn Quốc Công (cha ông Nguyễn Quốc H), Nguyễn Thị Nô (mẹ của ông Nguyễn Quang K), ông Nguyễn Quang Na (cha ông). Lúc chia đất thì ông nội chia cho các con mỗi người chiều ngang 6 mét, chiều dài 50 mét. Sau giải phóng (1975), NH nước có chủ trương cất xâm canh, lúc đó gia đình ông ở tỉnh An G nên không nhận đất được, mới thống nhất giao lại cho bà Đ ở tại chỗ nhận phần đất trên, tiến Hnh kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Đ lập tờ tự thuận ngày 16/5/2004 phân chia phần đất trên lại cho các anh, em ông theo như lời phân chia của ông nội. Phần đất ông được bà Đ chia có chiều ngang là 6 mét, chiều dài là 50 mét tính từ Quốc lộ 30 ra đến sau hậu. Hiện nay căn nH của ông cất chiều ngang 5,2 mét, chiều dài khoảng 10mét. Nay ông yêu cầu được sử dụng chiều ngang 6 mét, chiều dài hết thửa 781 (khoảng 30 mét) do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần chiều dài còn lại ông không tranh chấp.

Yêu cầu bà Đ lập thủ tục S tên phần đất đã chia cho ông, thuộc 1 phần thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, theo diện tích nêu trên.

Yêu cầu được nhận số tiền bồi thường khi NH nước thu hồi đất đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tương đương với phần diện tích đất ông đã được chia.

Diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo Long.

Ông Nguyễn Quang L trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Quang L.

Yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp cho ông L chiều ngang 6 mét, chiều dài hết thửa 781 theo tờ thuận phân của bà Đ. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Ông Lê Hữu H và bà Lê Thị S trình bày: Ông, bà có thuê căn nH của ông Nguyễn Quốc H để ở. Hiện nay vợ chồng ông không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với phần đất trên. Nếu Tòa án giải quyết phần đất trên thuộc về ai, vợ chồng ông thống nhất giao trả nH lại cho ông H.

Ông Phan Toàn PH và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Vào năm 2017, vợ chồng ông có hỏi mượn bà Đ 1 phần đất để cất nH ở. Phần căn nH của vợ chồng ông có 1 phần đất đang tranh chấp giữa bà Đ với ông L. Phần đất trên vợ chồng ông mượn của bà Đ nên không có ý kiến hay tranh chấp gì. Nếu Tòa án giải quyết phần đất trên thuộc về ông L hay bà Đ, vợ chồng ông tự nguyện di dời nH trả lại đất.

Ông Nguyễn Quốc H (sinh năm 1980) trình bày: Ông đang ở nhờ trong căn nH của ông Nguyễn Quang L. Hiện nay bà Đ đang khởi kiện yêu cầu ông L di dời căn nH trên trả đất cho bà Đ.

Nay ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu Tòa án giải quyết phần đất trên thuộc về ai, ông thống nhất giao trả nH lại cho ông L.

Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN đã xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với hộ bà Nguyễn Ngọc V, ông Nguyễn Quốc H và ông Nguyễn Quang L.

2/ Bác yêu cầu của ông Nguyễn Quang L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ giao trả lại diện tích 1.250m² thuộc thửa 781, tờ bản đồ số 1, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3/ Bác yêu cầu của ông Nguyễn Quang L về việc yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.250m² thuộc thửa 781, tờ bản đồ số 1, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4/ Bác yêu cầu của ông Nguyễn Quang L về việc yêu cầu được quản L và sử dụng số tiền NH nước bồi thường thu hồi đất đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, với số tiền là 178.652.500đ.

5/ Bác yêu cầu của ông Nguyễn Quốc H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ giao trả lại phần đất chiều ngang 6 mét, chiều dài 30 mét thuộc 1 phần thửa đất số

781, tờ bản đồ số 1, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6/ Bác yêu cầu của ông Nguyễn Quốc H về việc yêu cầu được quản L và sử dụng số tiền NH nước bồi thường thu hồi đất đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, với số tiền là 56.331.000đ.

7/ Bác yêu cầu của ông Nguyễn Quang L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ giao trả lại phần đất chiều ngang 6 mét, chiều dài 30 mét thuộc 1 phần thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

8/ Bác yêu cầu của ông Nguyễn Quang L về việc yêu cầu được quản L và sử dụng số tiền NH nước bồi thường thu hồi đất đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, với số tiền là 56.331.000đ.

9/ Giao cho hộ bà Nguyễn Ngọc V được quản L và sử dụng phần đất có diện tích là 178,6m², thuộc 1 phần thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp thửa 1695 của ông L có chiều dài là 6 mét (Từ mốc số M35 đo đến mốc số R14);

- Hướng bắc giáp với phần còn lại của thửa 781 có chiều dài là 29,88 mét (Từ mốc số T1 đo đến mốc số R14);

- Hướng tây giáp Quốc lộ 30 (phần đã thu hồi) có chiều dài là 6 mét (Từ mốc số M21 đo đến mốc số T1);

- Hướng nam giáp với phần còn lại của thửa 781 và phần tranh chấp với ông Thiều có chiều dài là 29,64 mét (từ mốc số M21 đo đến mốc số M35).

Theo sơ đồ đo đạc ngày 10/12/ 2020 của công ty TNHH dịch vụ đo đạc Bảo Long và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

10/ Buộc hộ bà Nguyễn Ngọc V gồm: Bà Nguyễn Ngọc V, ông Nguyễn Thế P (chồng bà V), chị Nguyễn Thị Ngọc T (con bà V) và anh Nguyễn Đức H (con bà V) có trách nhiệm di dời phần căn nH bếp, phần nH củi và nH tắm trên phần đất thuộc thửa 781, tờ bản đồ số 01, để giao trả đất cho bà Đ quản L và sử dụng, cụ thể như sau:

Phần nH củi: Loại nH cấp 4, vách tole sóng tròn, mái lợp tole sóng tròn, sàn lót gạch.

Hướng Đông giáp với nH bếp của bà V có chiều dài là 1,73 mét (từ mốc số R2 đo đến mốc số R10);

Hướng Nam giáp với phần đất đã giao cho bà V có chiều dài là 1,6 mét (từ mốc số R11 đo đến mốc số R10);

Hướng Tây giáp thửa 781 có chiều dài là 1,73 mét (từ mốc số R1 đo đến mốc số R11);

Hướng Bắc giáp thửa 781 có chiều dài là 1,6 mét (từ mốc số R1 đo đến mốc số R2). Tổng diện tích nH củi là 2,7m².

Phần nH bếp: Loại nH cấp 4, vách tole sóng tròn, mái lợp tole sóng tròn, sàn lót gạch.

Hướng Đông giáp với nH tắm của bà V có chiều dài là 1,49 mét (từ mốc số R3 đo đến mốc số R12);

Hướng Nam giáp với phần còn lại của nH bếp (phần đất đã giao cho bà V sử dụng) có chiều dài là 5,6 mét (từ mốc số R12 đo đến mốc số R10);

Hướng Tây giáp với nH củi của bà V có chiều dài là 1,73 mét (từ mốc số R2 đo đến mốc số R10);

Hướng Bắc giáp thửa 781 có chiều dài là 5,38 mét (từ mốc số R3 đo đến mốc số R2). Tổng diện tích di dời nH bếp là 8,7m².

Phần nH tắm: Loại nH cấp 4, vách xây gạch, mái lợp tole sóng tròn, sàn lót gạch.

Hướng Đông giáp với thửa 1695 có chiều dài là 1,9 mét (từ mốc số R14 đo đến mốc số F3);

Hướng Nam giáp với phần còn lại của nH tắm (phần đất đã giao cho bà V sử dụng) có chiều dài là 1,5 mét (từ mốc số R12 đo đến mốc số R14);

Hướng Tây giáp với nH bếp của bà V có chiều dài là 1,9 mét (từ mốc số R12 đo đến mốc số R4);

Hướng Bắc giáp thửa 781 có chiều dài là 1,5 mét (từ mốc số R4 đo đến mốc số F3). Tổng diện tích di dời nH tắm là 2,9m².

Theo sơ đồ đo đạc ngày 10/12/ 2020 của công ty TNHH dịch vụ đo đạc Bảo Long và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

11/ Buộc hộ bà Nguyễn Ngọc V gồm: Bà Nguyễn Ngọc V, ông Nguyễn Thế P (chồng bà V), chị Nguyễn Thị Ngọc T (con bà V) và anh Nguyễn Đức H (con bà V) có trách nhiệm di dời toàn bộ phần cây trồng gồm: 02 (hai) cây mận, 02 (hai) cây Mít và 01 (một) cây Dừa nằm ngoài phần diện tích đã giao cho bà V quản L và sử dụng, để giao trả lại đất cho bà Nguyễn Thị Đ.

Bà Nguyễn Thị Đ và hộ bà Nguyễn Ngọc V được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất đã được giao theo quy định.

12/ Buộc hộ bà Nguyễn Ngọc V gồm: Bà Nguyễn Ngọc V, ông Nguyễn Thế P (chồng bà V), chị Nguyễn Thị Ngọc T (con bà V) và anh Nguyễn Đức H

(con bà V) có trách nhiệm liên đới trả lại giá trị đất cho bà Nguyễn Thị Đ là 785.840.000đ (Bảy trăm tám mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án, cho đến khi thi Hình xong số tiền trên, bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi Hình, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

13/ Buộc ông Nguyễn Quốc H có trách nhiệm di dời căn nhà cấp 4, nhà cất bằng khung gỗ tạp, mái lợp tole, cất trên thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để giao trả đất lại cho bà Đ, cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp thửa 1695 có chiều dài là 5,48 mét (Từ mốc số F1 đo đến mốc số F2);

- Hướng bắc giáp với phần còn lại của thửa 781 có chiều dài là 28,7 mét (Từ mốc số M66 đo đến mốc số F1);

- Hướng tây giáp phần còn lại của thửa 781 có chiều dài là 5,38 mét (Từ mốc số M66 đo đến mốc số M67);

- Hướng nam giáp với phần còn lại của thửa 781 có chiều dài là 28,9 mét (từ mốc số M67 đo đến mốc số F2).

14/ Buộc ông Nguyễn Quang L có trách nhiệm di dời căn nhà cấp 4, nhà cất bằng khung gỗ tạp, mái lợp tole để giao trả đất lại cho bà Đ, cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp phần còn lại của thửa 781 có chiều dài là 5,20 mét (Từ mốc số M63 đo đến mốc số M64);

- Hướng bắc giáp với phần còn lại của thửa 781 có chiều dài là 10 mét (Từ mốc số 62 đo đến mốc số M63);

- Hướng tây giáp phần còn lại của thửa 781 có chiều dài là 5,20 mét (Từ mốc số M62 đo đến mốc số M65);

- Hướng nam giáp với phần còn lại của thửa 781 có chiều dài là 9,99 mét (từ mốc số M65 đo đến mốc số M64).

Theo sơ đồ đo đạc ngày 10/12/ 2020 của công ty TNHH dịch vụ đo đạc Bảo Long và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

15/ Bà Nguyễn Thị Đ được đến Ủy ban nhân dân huyện TN để nhận số tiền đền bù khi thu hồi đất đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, diện tích 119,5m², với số tiền là 178.652.500đ (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

16/ Bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.991.000đ (bảy triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng), đã nộp xong.

17/ Về án phí:

Ông Nguyễn Quang L và ông Nguyễn Quốc H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Nguyễn Quang L phải chịu 600.000đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Nguyễn Ngọc V phải chịu 300.000đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ông Nguyễn Quang L, ông Nguyễn Quốc H ông Nguyễn Quang L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc V là bị đơn, ông Nguyễn Quang L là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN.

- Ông Nguyễn Quang L yêu cầu Tòa án cấp P thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ buộc ông phải di dời NH trả đất. Yêu cầu Tòa án thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ của bà Đ diện tích ngang 6m dài từ lộ 30 đến hết thửa 781, tờ bản đồ số 1 hiện do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ để ông đăng ký lại giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định đối với phần đất ông được chia. Yêu cầu được nhận một phần số tiền bồi thường khi NH nước thu hồi đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1 do bà Đ đứng tên QSDĐ tương đương phần diện tích đất của ông được chia.

- Ông Nguyễn Quốc H yêu cầu Tòa án cấp P thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ buộc ông phải di dời NH trả đất. Yêu cầu Tòa án thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ của bà Đ diện tích ngang 6m dài từ lộ 30 đến hết thửa 781, tờ bản đồ số 1 hiện do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ để ông đăng ký lại giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định đối với phần đất ông được chia. Yêu cầu được nhận một phần số tiền bồi thường khi NH nước thu hồi đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1 do bà Đ đứng tên QSDĐ tương đương phần diện tích đất của ông được chia.

- Ông Nguyễn Quang L yêu cầu hủy tờ từ chối di sản ngày 14/8/2001, trả lại QSDĐ cho ông thửa 781 để ông xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ và nhận tiền bồi thường nâng cấp quốc lộ 30 Hồng Ngự - Long An. Buộc bà Đ trả lại diện tích 1.250m² đất thuộc thửa 781, tờ bản đồ số 1 đồng thời thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ của bà Đ để ông đăng ký QSDĐ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đ xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Quốc H, Nguyễn Quang L di dời NH trả đất.

Luật sư Nguyễn Hoàng G bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bà Nguyễn Ngọc V trình bày: Yêu cầu tiếp tục sử dụng diện tích 192m² không phải trả giá trị đất; về nguồn gốc đất là của ông bà để lại nên bà V bắt đầu đến cất nhà ở vào năm 1998, đến năm 2006 bà V mới cất nhà tường kiên cố như hiện nay, việc cất nhà

bà Đẹp không tranh chấp; đối với nhà bếp, nhà vệ sinh Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V di dời một phần, phần còn lại không thể sử dụng được, cây ăn trái buộc di dời trong khi đó bà V không có đất nào khác để trồng lại; về công đầu tư san lấp mặt bằng phần diện tích trả lại cho bà Đẹp Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thu thập để xem xét cho bà V. Từ những luận cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 116 Luật đất đai sửa án sơ thẩm, công nhận cho hộ bà V tiếp tục sử dụng diện tích đất 192m².

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, tuy người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đ xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Quốc H, Nguyễn Quang L di dời nhà trả đất và phần tiền do nhà nước bồi thường mở rộng Quốc lộ 30 nhưng ông Hùng và bà Hà là người đại diện theo ủy quyền cho ông Lý không đồng ý rút đơn kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Hùng, ông Lý di dời nhà trả đất cho bà Đẹp, trong khi đó hộ ông Hùng có 05 người, hộ ông Lý có 03 người nhưng không đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu tư cách đương. Đồng thời, tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lợi với bà Đẹp không được tổ chức hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật đất đai cũng vi phạm thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư Thái Quang T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Quốc H trình bày: Ông Hùng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là tiếp tục sử dụng diện tích đất có chiều ngang 6m, chiều dài 30m và sử dụng số tiền 56.331.000 đồng do nhà nước thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 30. Giai đoạn phúc thẩm bà Cao Mỹ O là vợ ông H có đơn khiếu nại về việc không đưa vào tham gia vụ kiện do hộ ông H gồm có ông H, bà O (vợ), Nguyễn Thị Kiều N (con), Nguyễn Thị Kiều N (con), Nguyễn Thị Kiều T (con) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ; căn cứ vào tờ tự thuận ngày 16/5/2004 có phân chia cho ông Hùng 01 nền nhà ngang 6m, dài hết đất, Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm định công đầu tư được quy định Nghị quyết số 02 của Hội đồng thẩm phán về thay đổi hiện trạng, đã xây dựng kiên cố nên bà Đ không được đòi lại đất. Về tố tụng là thiếu tư cách đương sự đề nghị Hội đồng xét xử hủy phần bà Đ yêu cầu khởi kiện đối với ông H.

Bà Tô Thị Kim H là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang L trình bày: Ông L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là tiếp tục sử dụng diện tích đất có chiều ngang 6m, chiều dài 30m và sử dụng số tiền 56.331.000 đồng do nhà nước thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 30, hộ ông L gồm có ông L, bà H (vợ), Nguyễn Thị Kim N (con) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ; căn cứ vào tờ tự thuận ngày 16/5/2004 có phân chia cho ông H 01 nền nhà ngang 6m, dài hết đất, Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm định công đầu tư được quy định Nghị quyết số 02 của Hội đồng Thẩm phán về thay đổi hiện trạng, đã xây dựng kiên cố nên bà

Đ không được đòi lại đất. Về tố tụng là thiếu tư cách đương sự đề nghị Hội đồng xét xử hủy phần bà Đ yêu cầu khởi kiện đối với ông L.

Bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Đối với các yêu cầu kháng cáo của ông Lợi, bà V, ông H, ông L bà Đ không thống nhất. Bởi lẽ, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Đ là hợp pháp, việc bà V, ông H, ông L cất nhà ở trên đất tranh chấp là do bà Đ cho ở nhờ nên nay đòi lại. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì bà Đ xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông H, ông L nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút đơn khởi kiện đối với ông H, ông L, các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Quang L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐT phát biểu:

- Về tố tụng: Từ khi thụ L vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ L giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử P thẩm đã tiến Hnh đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp Hnh tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung:

Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ sổ hộ khẩu gia đình ông Nguyễn Quốc H gồm: ông H, bà Cao Mỹ O (vợ ông H) và các con là Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Thị Kiều T và sổ hộ khẩu gia đình ông Nguyễn Quang L gồm: ông L, bà Tô Thị Kim H (vợ ông L), con là Nguyễn Thị Kim N. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những tHnh viên trong hộ gia đình của ông Nguyễn Quốc H, ông Nguyễn Quang L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, ảnh hưởng quyền, L ích hợp pháp của các đương sự.

Ông Nguyễn Quang L là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu hủy Tờ từ chối di sản ngày 14/8/2001 giữa bà Q, bà Bé và ông L; Buộc bà Đ trả lại ông diện tích 1.250m² thuộc thửa đất 781, tờ bản đồ số 01. Đồng thời thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 781, tờ bản đồ số 01 cấp cho bà Đ, để ông đăng ký lại quyền sử dụng đất. Yêu cầu được quản L và sử dụng toàn bộ số tiền bồi thường thu hồi nâng cấp QL 30 Xét thấy, yêu cầu của ông L là tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng không có biên bản hòa giải cấp sơ sở giữa ông L với bà Đ, là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai; điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ông Nguyễn Quang L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc V làm đơn kháng cáo nhưng bà V không ký tên, không nộp tiền tạm ứng án phí. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm khi nhận đơn kháng cáo của ông L hướng dẫn cho bà V làm đơn kháng cáo và nộp án phí.

Ngoài ra, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2020, có nH bép diện tích 18,9m², nH củi diện tích 2,7m² và nH tắm diện tích 18,9m² của bà V trên

phần đất tranh chấp thuộc thửa 781, tờ bản đồ số 01, nhưng không mô tả loại NH, không tiến hành định giá.

Những vi phạm trên Tòa án cấp P thẩm không thể bổ sung được.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, ĐT và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật. Do hủy án nên không xem xét đơn kháng cáo của Nguyễn Quang L, ông Nguyễn Quốc H, ông Nguyễn Quang L và bà Nguyễn Ngọc V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Nguyễn Quang L, ông Nguyễn Quốc H, ông Nguyễn Quang L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc V là bị đơn, ông Nguyễn Quang L là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN là còn trong thời hạn luật định.

[2]. Ông Nguyễn Quang L yêu cầu Tòa án cấp P thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ buộc ông phải di dời NH trả đất. Yêu cầu Tòa án thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ của bà Đ diện tích ngang 6m dài từ lộ 30 đến hết thửa 781, tờ bản đồ số 1 hiện do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ để ông đăng ký lại giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định đối với phần đất ông được chia. Yêu cầu được nhận một phần số tiền bồi thường khi NH nước thu hồi đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1 do bà Đ đứng tên QSDĐ tương đương phần diện tích đất của ông được chia.

- Ông Nguyễn Quốc H yêu cầu Tòa án cấp P thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ buộc ông phải di dời NH trả đất. Yêu cầu Tòa án thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ của bà Đ diện tích ngang 6m dài từ lộ 30 đến hết thửa 781, tờ bản đồ số 1 hiện do bà Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ để ông đăng ký lại giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định đối với phần đất ông được chia. Yêu cầu được nhận một phần số tiền bồi thường khi NH nước thu hồi đối với thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1 do bà Đ đứng tên QSDĐ tương đương phần diện tích đất của ông được chia.

Tại phiên Tòa P thẩm bà Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với ông L và ông H nhưng bị đơn là ông Hùng và ông Lý không đồng ý cho nguyên đơn là bà Đẹp rút đơn khởi kiện cũng như ông Nguyễn Quốc H và bà Tô Thị Kim H người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang L cũng không rút yêu cầu kháng cáo được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự nên không chấp nhận cho bà Đ rút đơn khởi kiện đối với ông H, ông L.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[2.1]. Xét nguồn gốc là của ông Nguyễn Quang Q (ông Q là cha của ông Đ (ông Đ là cha của bà Đ và ông L) khai mở và sử dụng, nhưng ông Q chỉ sử dụng được 1 thời gian thì cùng các con ông về tỉnh An G sinh sống, không sử dụng phần đất trên nữa nên bà Q (vợ của ông Đ, mẹ của bà B, bà Đ và ông L) ở lại quản L và sử dụng phần đất trên. Năm 1982- 1983, NH nước có chủ trương cắt xâm canh, cấp phần đất trên lại cho bà Q quản L và sử dụng. Sau khi bà Q được NH nước cấp đất, bà Q sử dụng phần đất trên để cất nh ở và trồng cây. Năm 1992, bà Q được NH nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.250m², thuộc thửa 781, tờ bản đồ số 1. Năm 2001, bà Q lập thủ tục cho phần đất trên lại cho bà Đ, trên đất bà V, ông H và ông L mỗi người có cất nhà để ở nên xảy ra tranh chấp cho đến nay.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Quốc H có trách nhiệm di dời căn nh cấp 4, nh cất bằng khung gỗ tạp, mái lợp tol, cất trên thửa đất số 781, tờ bản đồ số 1, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để giao trả đất lại cho bà Đ, nhưng hộ ông H gồm Nguyễn Quốc H, Cao Mỹ O, Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Thị Kiều T. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa hộ ông H vào tham gia vụ kiện với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là thiếu tư cách đương sự (O, N, N, T).

Buộc ông Nguyễn Quang L có trách nhiệm di dời căn nh cấp 4, nh cất bằng khung gỗ tạp, mái lợp tol để giao trả đất lại cho bà Đ nhưng ông L gồm Nguyễn Quang L, Tô Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim N. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa hộ ông L vào gia vụ kiện với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là thiếu tư cách đương sự (H, Ngân).

Đồng thời, ông Nguyễn Quang L có yêu cầu độc lập đối với bà Đẹp, ông L yêu cầu bà Đ trả lại diện tích 1.250m² đất thuộc thửa 781, tờ bản đồ số 1 đồng thời thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ của bà Đ để ông đăng ký QSDĐ. Tranh chấp giữa ông L và bà Đ là tranh chấp QSDĐ được quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết [04/2017/NQ-HĐTP](#) ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao: Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cũng là thiếu sót.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án

nhân dân huyện TN, tỉnh Đồng Tháp; Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện TN giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Do hủy bản án dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Quang L, bà Nguyễn Ngọc V, ông Nguyễn Quang L, ông Nguyễn Quốc H.

[4]. Xét lời trình bày của luật sư Nguyễn Hoàng G là người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bà Nguyễn Ngọc V là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần đối với đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TN.

[5]. Xét lời trình bày của luật sư Thái Quang T người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của ông H là phù hợp có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[7] Do hủy bản án dân sự sơ thẩm nên ông Nguyễn Quang L, bà Nguyễn Ngọc V, ông Nguyễn Quang L, ông Nguyễn Quốc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 148, Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

Do hủy bản án dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Quang L, bà Nguyễn Ngọc V, ông Nguyễn Quang L, ông Nguyễn Quốc H.

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh DT giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Về án phí dân sự P thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Quang L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010229 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi Hnh án huyện TN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên đóng dấu)

Lê Hồng Nước